

Số: 70/2022/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề,
giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 49/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng; số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Xét Tờ trình số 268/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 258/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan đến các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước và các quy định tại Nghị quyết này.

2. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ và một lần hỗ trợ. Trường hợp đã được hỗ trợ theo các chính sách hiện hành khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ theo chính sách quy định tại Nghị quyết này.

3. Đối tượng đã được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng nhưng sau đó bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi việc làm nhưng tối đa không quá 03 lần.

4. Người học nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp đối với các ngành nghề khuyến khích đào tạo thì được hỗ trợ theo thời gian thực học toàn khóa học nhưng tối đa không quá 10 tháng/năm học và không quá 20 tháng/khóa học đối với trình độ trung cấp, không quá 30 tháng/khóa học đối với trình độ cao đẳng.

CHƯƠNG II MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VỀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Điều 4. Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng

1. Đối tượng hỗ trợ:

Người trong độ tuổi lao động theo quy định, có nhu cầu học nghề thuộc các đối tượng sau:

- a) Đối tượng 1: Người cai nghiện ma túy bắt buộc;
- b) Đối tượng 2: Người chấp hành xong án phạt tù đã trở về cộng đồng, chưa được xóa án tích;
- c) Đối tượng 3: Người lao động thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

2. Mức hỗ trợ:

Người lao động thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 4 của Nghị quyết này được hỗ trợ tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng theo mức giá dịch vụ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhưng không vượt quá định mức quy định sau đây:

- a) Đối tượng 1: Hỗ trợ tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học;
- b) Đối tượng 2, đối tượng 3: Hỗ trợ tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học.

3. Hình thức hỗ trợ: Áp dụng theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Đối với các nhóm đối tượng học nghề sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng đã quy định cụ thể về đối tượng và mức hỗ trợ tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương ban hành thì triển khai thực hiện theo quy định của Trung ương.

Điều 5. Chính sách miễn, giảm học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

1. Đối tượng được miễn giảm học phí:

a) Đối tượng được miễn học phí: Theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 10, 12, 14, 17, 18, 19 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;

b) Đối tượng được giảm 70% học phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;

c) Đối tượng được giảm 50% học phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

2. Cơ chế miễn, giảm học phí:

Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí bằng mức thu học phí do cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập quy định, nhưng không vượt quá mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 6. Hỗ trợ học phí học tập cho học sinh, sinh viên học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp đối với các nghề khuyến khích đào tạo

1. Đối tượng hỗ trợ:

Học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm nhập học, đã tốt nghiệp trung học phổ thông và học nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thuộc các ngành nghề khuyến khích đào tạo do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và các công trình, dự án trọng điểm đầu tư trên địa bàn tỉnh; người học có cam kết sau tốt nghiệp làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ít nhất 2 năm.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ học phí học tập bằng 70% mức thu học phí do cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập quy định, mức học phí làm căn cứ tính hỗ trợ không vượt quá mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đối với học sinh, sinh viên là người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an theo quy định của pháp luật;

b) Hỗ trợ học phí học tập bằng 50% mức thu học phí do cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập quy định, mức học phí làm căn cứ tính hỗ trợ không vượt quá mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đối với học sinh, sinh viên còn lại.

3. Cơ chế hỗ trợ thực hiện theo khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; phương thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Điều 7. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động, học sinh, sinh viên và cung ứng lao động miễn phí

1. Đối tượng hỗ trợ:

Trung tâm dịch vụ việc làm công lập, các đơn vị sự nghiệp có chức năng tư vấn, giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho lao động, học sinh, sinh viên và cung ứng lao động miễn phí cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh.

2. Mức hỗ trợ:

Thực hiện theo Bộ đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động miễn phí áp dụng đối với Trung tâm dịch vụ việc làm công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm giai đoạn 2022 - 2025 bao gồm: Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và nguồn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

Điều 9. Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 56/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2017 về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 262/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2017 về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 150/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc quy định một số chính sách giải quyết việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng